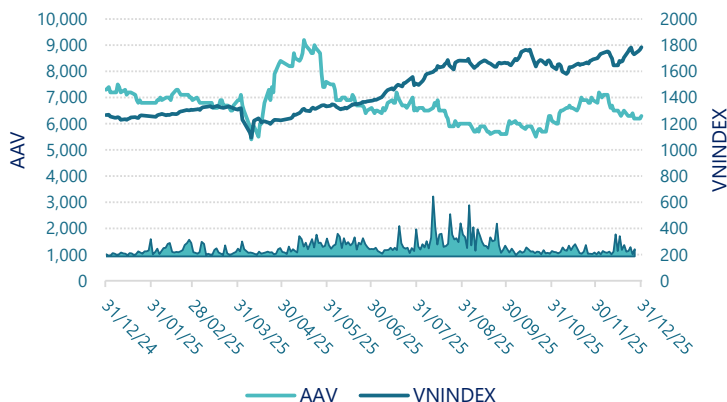


CTCP AAV Group (HNX: AAV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
SL cổ phiếu LH	68,987,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	234,240
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	435
P/E	-18.7
EPS	-337

DT thuần

Q4/25

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.5 | 63.6%

YoY: ▲ 79.0 | 225%

LN sau thuế

Q4/25

-56.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 90.3 | -269%

YoY: ▼ 50.3 | -774%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-6.6%

+/- YoY: ▲ 27.7%

DT thuần

2025

318

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 280 | 725%

LN sau thuế

2025

-22.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.90 | -43.8%

ROE

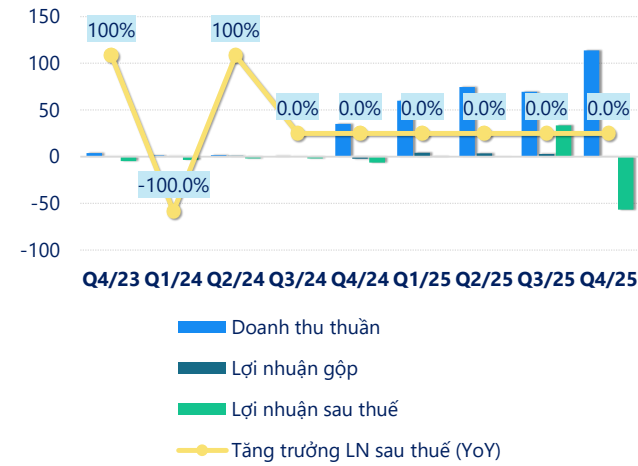
2025

-3.1%

+/- YoY: ▼ 1.0%

tỷ VNĐ

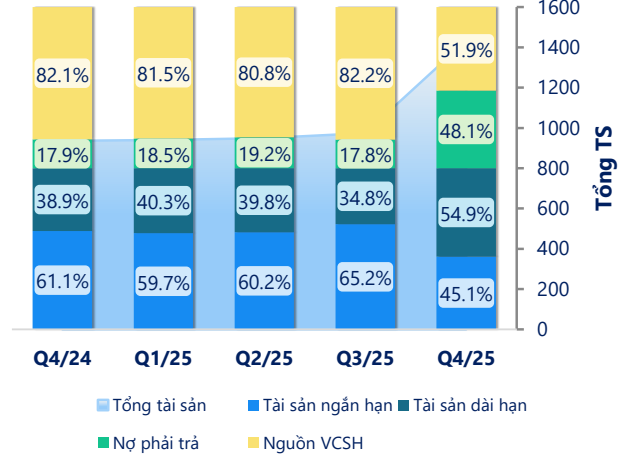
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

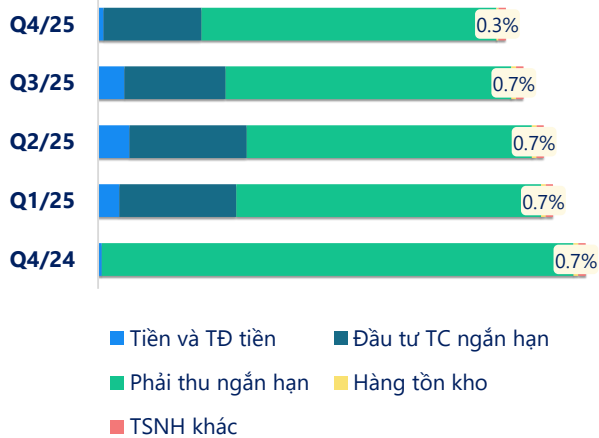
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



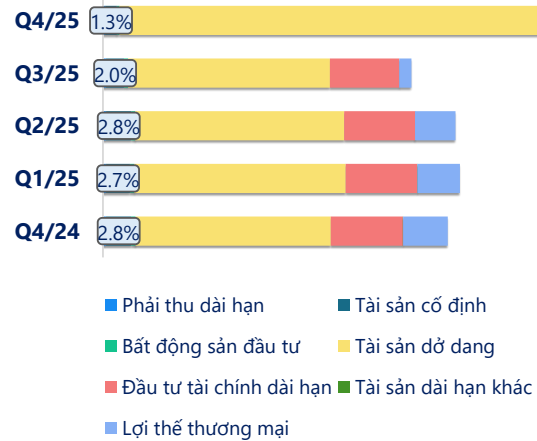
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

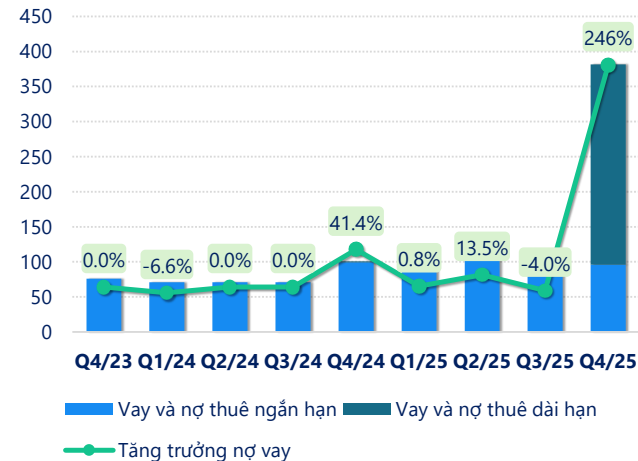
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

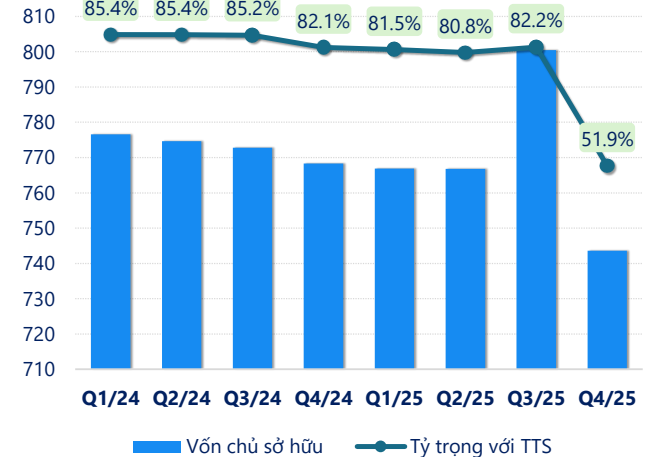
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

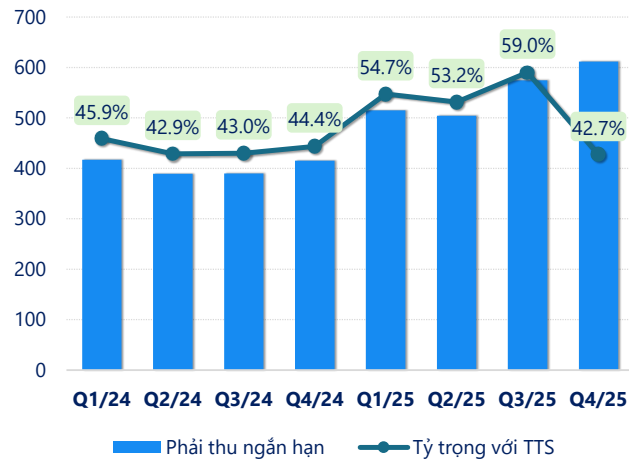
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



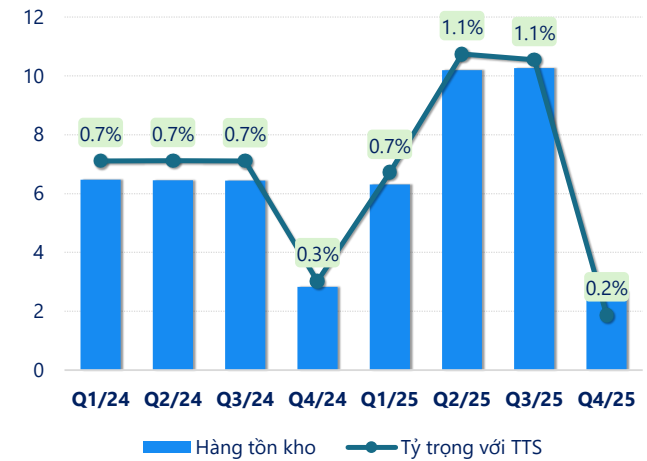
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


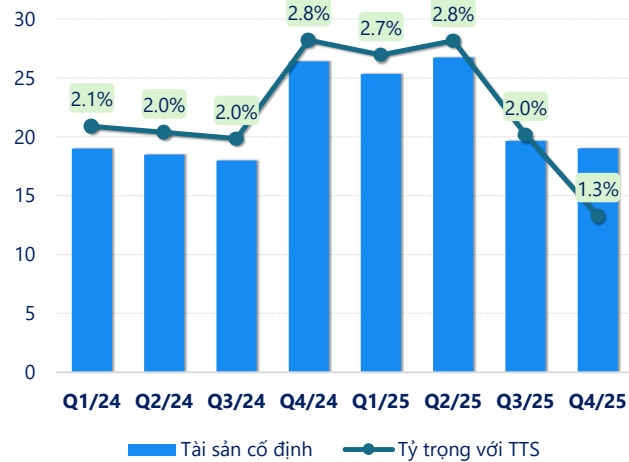
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


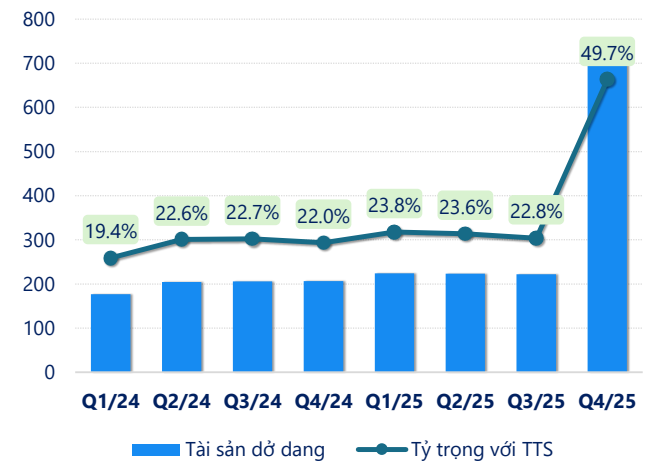
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

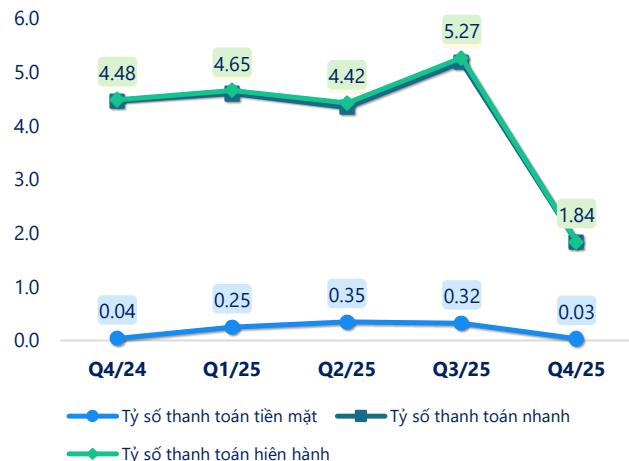
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

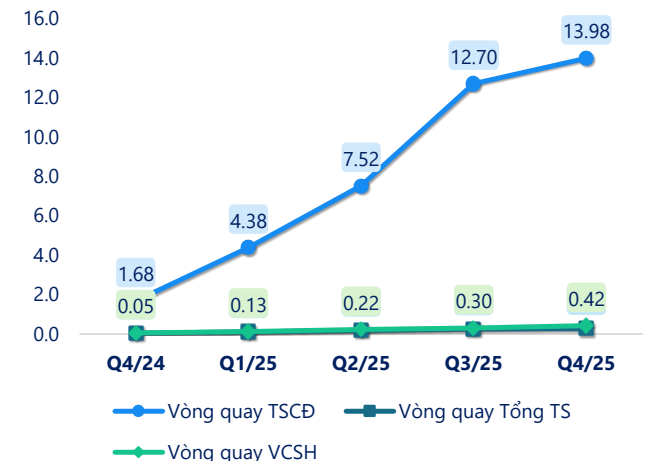
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	936	941	949	974	1,433
Tài sản ngắn hạn	572	562	572	635	646
Tiền và tương đương tiền	5.15	30.0	44.9	38.7	11.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	138	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	415	515	505	575	612
Hàng tồn kho	2.83	6.31	10.2	10.3	2.68
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	10.9	11.9	11.2	20.3
Tài sản dài hạn	364	379	377	339	787
Phải thu dài hạn	3.40	3.40	3.52	3.52	3.54
Tài sản cố định	26.4	25.4	26.7	19.7	19.0
Bất động sản đầu tư	4.51	4.47	4.44	4.40	4.36
Tài sản dở dang	206	224	223	222	712
Đầu tư tài chính dài hạn	76.0	76.0	76.0	76.0	35.0
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.15	0.04	0	0
Lợi thế thương mại	47.3	45.2	43.0	13.5	12.5
Nợ phải trả	168	174	182	173	690
Nợ ngắn hạn	128	121	129	121	351
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.2	101	115	110	95.8
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	12.8	7.57	7.32	6.22
Nợ dài hạn	40.1	53.1	52.8	52.8	338
Vay và nợ thuê dài hạn	1.27	0.20	0	0	286
Nguồn vốn chủ sở hữu	768	767	767	800	744
Vốn chủ sở hữu	768	767	767	800	744
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)